

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/HS-ST
Ngày 15-05-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Kim Liên

Bà Nguyễn Thị Mai

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên toà: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Thanh B (tên gọi khác T), sinh năm 196X tại Hải Phòng. Nơi đăng ký thường trú: Số 84/239 L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 15/25/250 T, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N1; có chồng là Phạm Văn V (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 28/8/2019 đến ngày 06/9/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Hoàng Thị N (tên gọi khác L), sinh năm 196Y tại Hải Phòng. Nơi đăng ký thường trú: Số 13C142 T, quận H, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở: Thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Ngọc T3 và bà Nguyễn Thị T4 (đều đã chết); có chồng là Đồng Kim T5 (đã chết)

và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; ngày 05/12/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2019, Nguyễn Thị Thanh B (tên gọi khác là T) đã thuê nhà số 7 đường Nguyễn Văn Linh, quận Lê Chân, Hải Phòng để bán nước, bán dâm và môi giới mại dâm khi có khách mua dâm. Hồi 19 giờ 30' ngày 27/8/2019, Vũ Hữu H, sinh năm 197E; trú tại: Số 50/89 T, phường K, quận L, Hải Phòng cùng Dương Bá L, sinh năm 197P, trú tại: Số 7/1/31 T, phường K, quận L, Hải Phòng đến quán của B để hỏi mua dâm. Lúc này tại quán có B và Hoàng Thị N là nhân viên của quán được B thuê để bán dâm cho khách. H đã thỏa thuận với B muốn mua dâm và yêu cầu hai nhân viên nữ, hai bên thống nhất tiền mua dâm là 300.000 đồng/1 người, H đã đưa cho B 600.000 đồng tiền mua dâm của H và L. Thời điểm đó tại quán của B do chỉ có một mình N là gái bán dâm nên B định gọi điện cho Nguyễn Thị T1, sinh năm 197P; ĐKTT: Số 25/80 L, phường L, quận N, Hải Phòng đến để bán dâm nhưng không tìm thấy số điện thoại nên đã không liên lạc. Do H và L yêu cầu đi ngay nên B đã bảo N ra nhà nghỉ Hương Bưởi tại số 129 đường Lê Văn Thuyết trước cùng H và L để bán dâm. Trước khi đi N đã nhận từ B tiền công bán dâm là 200.000 đồng. Khi tới nhà nghỉ Hương Bưởi, H và L nói chờ gái bán dâm còn lại tới rồi cùng lên phòng nên N đã gọi điện cho T1 nói đến nhà nghỉ Hương Bưởi để bán dâm và hẹn đón T1 tại đường Kênh Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng. Khi vào nhà nghỉ, N và H thuê phòng 307, còn T1 và L thuê phòng 305 để thực hiện hành vi quan hệ tình dục. Tới khoảng 20h5' cùng ngày Công an phường Kênh Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng kiểm tra hành chính 02 phòng trên phát hiện các đối tượng đang thực hiện hành vi mua bán dâm nên đã đưa các đối tượng có liên quan về trụ sở để làm rõ. Quá trình kiểm tra thu giữ tại phòng 305: 01 vỏ bao cao su đã qua sử dụng. Thu giữ của Nguyễn Thị T1: 10 bao cao su; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số tiền 495.000đ; 01 xe moto BKS: 15B1 - 660.95; thu giữ tại phòng 307: 01 bao cao su chưa qua sử dụng. Thu giữ của Hoàng Thị N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu MI màu vàng, 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi màu xanh, số tiền 4.389.000đ; 01 xe moto BKS: 15B1 - 800.32.

Cùng ngày Công an phường Kênh Dương tiến hành kiểm tra nhà số 7 Nguyễn Văn Linh, khi kiểm tra tại quán có Nguyễn Thị Thanh B và ông Phùng Văn X, sinh năm 195K, trú tại: Số 2/33 K, phường Đ, quận H, Hải Phòng là khách quen của B; quá trình kiểm tra thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, số tiền 9.200.000đ; 01 xe moto BKS: 15B1 - 547. 39 của Nguyễn Thị Thanh B; 01 xe máy moto BKS: 16M9 - 3193 của ông Phùng Văn X

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Thị T1 khai nhận: Khoảng 19h48' ngày 27/8/2019 T1 nhận được điện thoại của N rủ đi bán dâm. T1 đồng ý. Khi tới nhà nghỉ Hương Bưởi, T1 được N nói cho biết là khách của B và đi giá 300.000 đồng/người. T1 không phải nhân viên tại quán của B, T1 cũng chưa lần nào đi khách do B giới thiệu, T1 không phải trả tiền công môi giới cho N, B. Ngày 27/8/2019 T1 không nhận được điện thoại bảo đi bán dâm từ B.

Tại Cơ quan điều tra Hoàng Thị N khai: Khoảng 19h10 ngày 27/8/2019 N tới quán của B để bán dâm nếu có khách. Tới 19h30 cùng ngày có 02 nam giới tới mua dâm; trong đó có một nam giới đã thỏa thuận với B yêu cầu hai nhân viên nữ, hai bên thống nhất tiền mua dâm là 300.000 đồng/1 người và người đó đã đưa cho B 600.000 đồng và bảo ra nhà nghỉ Hương Bưởi. Sau đó B bảo N đi ra nhà nghỉ cùng hai nam giới và đưa cho N 200.000 đồng là tiền bán dâm. Do trước khi đi khỏi quán N nghĩ B đã gọi điện cho T1 đến để bán dâm nên khi tới nhà nghỉ N chưa thấy T1 vì vậy N đã gọi điện và ra đón T1 đến nhà nghỉ để bán dâm cho khách. Sau đó N nhận được điện thoại của B hỏi “T1 đến chưa”, N trả lời B “T1 đã đến”.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Thị Thanh B khai: Khoảng 19 giờ ngày 27/8/2019 N có tới quán của B để chờ khách mua dâm. Một lúc sau có hai nam giới đến đặt vấn đề mua dâm và yêu cầu hai gái bán dâm nên B đã thỏa thuận với nam giới mua dâm 300.000 đồng/1 người, 02 người là 600.000 đồng, nam giới đồng ý nên đưa cho B 600.000 đồng và bảo ra nhà nghỉ Hương Bưởi. Lúc đó trong quán chỉ có N nên N bảo B gọi điện cho T1 nhưng do vội B không tìm thấy số điện thoại của T1. B bảo N đi ra nhà nghỉ với hai khách trước để bán dâm, B không gọi điện cho T1 tới bán dâm cho khách nhưng B nghĩ N sẽ gọi điện cho T1 do cả hai là bạn của nhau. Sau đó B đã gọi điện cho N được biết T1 đã tới bán dâm nên số tiền 300.000 đồng B sẽ đưa lại trả cho T1 nếu bán dâm xong.

Bản Cáo trạng số 56/CT-VKS ngày 19/3/2020, Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân truy tố Nguyễn Thị Thanh B về tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự và Hoàng Thị N về tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo N khai: Khi có hai nam giới đến hỏi B mua dâm và yêu cầu hai gái bán dâm thì B nói với nam giới chỉ có bị cáo và tìm số điện thoại của T1 để gọi nhưng B không tìm thấy nên không gọi nữa. B bảo bị cáo ra nhà nghỉ Hương Bưởi với hai khách trước và B đưa bị cáo 200.000 đồng là tiền bán dâm. Khi đến nhà nghỉ có nam giới bảo chờ gái bán dâm còn lại tới rồi lên phòng nên bị cáo đã gọi điện cho T1 đến nhà nghỉ Hương Bưởi để bán dâm. Do T1 không biết đường nên bị cáo hẹn đón T1. Khi gặp T1 bị cáo nói với T1 là “khách của B, 300.000 đồng em ạ” và T1 đồng ý. Khi bị cáo cùng T1 vừa đến nhà nghỉ thì bị cáo nhận được điện thoại của B, B hỏi “T1 đến chưa” bị cáo trả lời B “T1 đến rồi”.

Tại phiên tòa bị cáo B khai: Khi nhận số tiền 600.000 đồng của nam giới để gọi hai gái bán dâm thì lúc đó ở quán của bị cáo chỉ có N. N có bảo bị cáo gọi cho T1, nhưng do không tìm thấy số của T1 nên bị cáo không gọi được cho T1. Bị cáo bảo N ra nhà nghỉ với hai khách trước và đưa N 200.000 đồng tiền bán dâm của N, còn bị cáo được hưởng 100.000 đồng từ việc môi giới cho N bán dâm. Bị cáo chắc chắn N sẽ gọi điện cho T1 đến để bán dâm cho khách vì hai người chơi thân với nhau. Một lúc sau bị cáo gọi điện cho N hỏi “T1 đến chưa”, N bảo “T1 đến rồi” nên bị cáo không gọi cho gái bán dâm khác đến nữa, số tiền 300.000 đồng còn lại bị cáo sẽ trả cho T1 khi T1 bán dâm cho khách xong.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo Hoàng Thị N và Nguyễn Thị Thanh B và đề nghị HĐXX:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 328; Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị Thanh B mức án 03 (ba) năm tù về tội “Môi giới mại dâm” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 328; Điều 17, Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hoàng Thị N mức án từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy 01 vỏ bao cao su đã qua sử dụng, 10 bao cao su thu giữ của Nguyễn Thị T1, 01 bao cao su chưa qua sử dụng thu giữ của Hoàng Thị N.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu MI màu vàng, số tiền 200.000 đồng thu giữ của bị cáo N và 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG, số tiền 400.000 đồng thu giữ của bị cáo B.

Trả lại 01 điện thoại nhãn hiệu Red Mi màu xanh cho bị cáo N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO cho bị cáo B.

Trả lại cho bị cáo N số tiền 4.189.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo B số tiền 8.800.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo B và bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Lê Chân, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện: Vào hồi 19h30 ngày 27/8/2019 Nguyễn Thị Thanh B và Hoàng Thị N có hành vi làm trung gian dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm nên hành vi của Nguyễn Thị Thanh B và Hoàng Thị N đã phạm tội Môi giới mại dâm.

Đối với Nguyễn Thị Thanh B đã có hành vi 01 lần môi giới Hoàng Thị N bán dâm cho Vũ Hữu H; ngoài ra B còn cùng Hoàng Thị N môi giới Nguyễn Thị T1 bán dâm cho Dương Bá L tại nhà nghỉ Hương Bưởi số 129 đường Lê Văn Thuyết, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Do vậy đủ cơ sở kết luận Nguyễn Thị Thanh B (tức T) phạm tội “Môi giới mại dâm” với tình tiết định khung phạm tội đối với 02 người trở lên theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

Đối với Hoàng Thị N có hành vi cùng với Nguyễn Thị Thanh B môi giới cho Nguyễn Thị T1 bán dâm cho Dương Bá L tại nhà nghỉ Hương Bưởi số 129 Lê Văn Thuyết, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Do vậy đủ cơ sở kết luận Hoàng Thị N (tức L) phạm tội “Môi giới mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng và nếp sống lành mạnh, văn minh cũng như đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc, làm nguyên nhân lây truyền nhiều bệnh xã hội nguy hiểm. Vì vậy cần xét xử các bị cáo với mức án đủ để đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

- Về vai trò, nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4] Về vai trò: Xét vụ án thuộc trường hợp có đồng phạm giản đơn, B và N đồng phạm với nhau trong việc môi giới T1 đến bán dâm cho người mua dâm. Mặc dù B không trực tiếp gọi điện cho T1 tới bán dâm cho khách nhưng B chắc N sẽ gọi T1 đến bán dâm. Sau khi N đi cùng hai nam giới đến nhà nghỉ Hương Bưởi, B đã gọi điện cho N và biết T1 đã tới bán dâm nên B đã đồng ý để T1 bán dâm cho

khách, không gọi gái bán dâm khác đến nữa. B sẽ đưa lại cho T1 số tiền 300.000 đồng khi bán dâm xong. Do đó HĐXX xét thấy cần cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo N và B.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6] Đối với bị cáo N: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Đối với bị cáo B: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo còn có mẹ đẻ là người đã có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và được Hội đồng nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Từ những phân tích trên, HĐXX thấy bị cáo Hoàng Thị N và bị cáo Nguyễn Thị Thanh B có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Do vậy không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành án phạt tù mà có thể áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[10] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

[11] Đối với 01 vỏ bao cao su đã qua sử dụng, 10 bao cao su thu giữ của Nguyễn Thị T1, 01 bao cao su chưa qua sử dụng thu giữ của N xét không có giá trị sử dụng nên căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[12] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mi màu vàng thu giữ của bị cáo N dùng vào việc phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[13] Đối với số tiền 4.389.000 đồng thu giữ của Hoàng Thị N trong đó có 200.000 đồng là tiền do phạm tội mà có nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền 4.189.000 đồng không liên quan đến việc

phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án phần án phí, số tiền còn lại trả cho bị cáo. Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Red Mi màu xanh thu giữ của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[14] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG thu giữ của bị cáo B dùng vào việc phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[15] Đối với số tiền 9.200.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị Thanh B trong đó có 400.000 đồng là tiền do phạm tội mà có nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền 8.800.000 đồng không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án phần án phí, số tiền còn lại trả cho bị cáo. Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO thu giữ của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[16] Đối với 01 xe moto BKS: 15B1 - 660.95 tạm giữ của Nguyễn Thị T1, quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân xác định chủ sở hữu hợp pháp là chị Hoàng Thị H, sinh năm 199C, trú tại: Thôn C, M, K, Hải Phòng nên đã trả lại cho chị H nên HĐXX không xét.

[17] Đối với một điện thoại nhãn hiệu Nokia, số tiền 495.000 đồng thu giữ của T1, Cơ quan điều tra đã trả lại cho T1 nên HĐXX không xét.

[18] Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, BKS: 15B1- 800.32 thu giữ của Hoàng Thị N, quá trình điều tra xác định là tài sản của N, không liên quan đến hành vi phạm tội của N, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Hoàng Thị N nên HĐXX không xét.

[19] Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BKS: 15B1- 547.39 thu giữ của B quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân xác định chủ sở hữu hợp pháp là ông Nguyễn Mạnh Q, sinh năm 194L, trú tại: Số 819 N, phường V, quận L, Hải Phòng nên đã trả lại cho ông Q nên HĐXX không xét.

[20] Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda, loại JOYING, BKS: 16M9 – 3193 thu giữ của Phùng Văn X, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Phùng Văn X nên HĐXX không xét.

[21] Đối với các đối tượng Vũ Hữu H và Dương Bá L Công an phường Kênh Dương đã ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi mua dâm nên HĐXX không xét.

[22] Đối với Nguyễn Thị T1, Hoàng Thị N Công an phường Kênh Dương đã ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi bán dâm nên HĐXX không xét.

[23] Đối với ông Phùng Văn X do khi kiểm tra không xuất trình được giấy tờ nên Công an phường Kênh Dương đã ra Quyết định xử phạt hành chính về hành

vi không xuất trình chứng minh nhân dân khi có yêu cầu kiểm tra của người có thẩm quyền nên HĐXX không xét.

[24] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 328; Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị Thanh B (tên gọi khác T) 03 (ba) năm tù về tội “Môi giới mại dâm” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thanh B cho Ủy ban nhân dân phường V, quận L, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 328; Điều 17, Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hoàng Thị N (tên gọi khác L) 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Môi giới mại dâm” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Thị N cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 vỏ bao cao su đã qua sử dụng, 10 bao cao su của Nguyễn Thị T1, 01 bao cao su chưa qua sử dụng của Hoàng Thị N.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu MI màu vàng, số tiền 200.000 đồng thu giữ của bị cáo N và 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG, số tiền 400.000 đồng thu giữ của bị cáo B.

Trả lại 01 điện thoại nhãn hiệu Red Mi màu xanh cho bị cáo N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO cho bị cáo B.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 4.189.000 đồng thu giữ của N để đảm bảo thi hành án về phần án phí, số tiền còn lại trả cho bị cáo.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 8.800.000 đồng thu giữ của B để đảm bảo thi hành án về phần án phí, số tiền còn lại trả cho bị cáo.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20 tháng 3 năm 2020 giữa Công an quận Lê Chân và Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, Hải Phòng và Biên lai thu tiền số 0004544 và 0004543 ngày 20/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, bị cáo Hoàng Thị N và Nguyễn Thị Thanh B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND quận Lê Chân;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an q.Lê Chân;
- UBND phường V, L, HP;
- UBND xã A, huyện A, HP
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Hồng

